

CHƯƠNG 3

CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

I. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội

* *Khái niệm sản xuất vật chất*

- Sản xuất là hoạt động có mục đích của con người, bao gồm: sản xuất vật chất, sản xuất tinh thần, sản xuất ra bản thân con người, trong đó, sản xuất vật chất giữ vai trò quyết định các loại hình sản xuất khác.

- Sản xuất vật chất là quá trình con người sử dụng công cụ lao động tác động vào tự nhiên, cải biến các dạng vật chất của giới tự nhiên nhằm tạo ra của cải vật chất thoả mãn nhu cầu tồn tại và phát triển của con người.

Đặc trưng của sản xuất vật chất: Là hoạt động đặc thù của con người, mang tính mục đích, tính sáng tạo, tính lịch sử - xã hội.

* *Vai trò của sản xuất vật chất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội*

Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người:

- Sản xuất vật chất là tiền đề trực tiếp tạo ra tư liệu sinh hoạt của con người nhằm duy trì sự tồn tại và phát triển của con người.

- Sản xuất vật chất là tiền đề của mọi hoạt động lịch sử của con người (quan hệ xã hội: chính trị, pháp luật, đạo đức, tôn giáo...)

- Sản xuất vật chất là điều kiện chủ yếu sáng tạo ra bản thân con người.

- Sản xuất vật chất là nhân tố quyết định sự tiến bộ xã hội.

* *Ý nghĩa phương pháp luận*

- Để nhận thức và cải tạo xã hội, phải xuất phát từ đời sống sản xuất, từ nền sản xuất vật chất xã hội. Xét đến cùng, không thể dùng tinh thần để giải thích đời sống tinh thần.

- Để phát triển xã hội phải bắt đầu từ phát triển đời sống kinh tế - vật chất.

2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

a. *Phương thức sản xuất*

* *Khái niệm: Phương thức sản xuất* là cách thức con người tiến hành quá trình sản xuất vật chất ở những giai đoạn lịch sử nhất định của xã hội loài người.

* *Cấu trúc của phương thức sản xuất*

- Lực lượng sản xuất

+ *Khái niệm: Lực lượng sản xuất* là sự kết hợp giữa người lao động (với kinh nghiệm, kỹ năng, tri thức...) và tư liệu sản xuất (mà trước hết là công cụ lao động)

tạo ra sức sản xuất và năng lực thực tiễn làm biến đổi các đối tượng vật chất của giới tự nhiên theo nhu cầu nhất định của con người và xã hội.

+ Kết cấu bao gồm:

Người lao động: Là người có tri thức, kinh nghiệm, sức khỏe, kỹ năng lao động và năng lực sáng tạo nhất định trong quá trình sử dụng tư liệu lao động để sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội, là nhân tố giữ vai trò quyết định các yếu tố tạo thành lực lượng sản xuất. Người lao động là chủ thể sáng tạo, đồng thời là chủ thể tiêu dùng mọi của cải vật chất xã hội.

Tư liệu sản xuất: là điều kiện vật chất cần thiết để tổ chức sản xuất bao gồm: Đối tượng lao động và Tư liệu lao động.

Đối tượng lao động: là những yếu tố vật chất của sản xuất mà lao động con người dùng tư liệu lao động tác động lên, nhằm biến đổi chúng cho phù hợp với mục đích sử dụng của con người.

Tư liệu lao động gồm: Công cụ lao động và phương tiện lao động; trong đó công cụ lao động giữ vai trò quyết định đến năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, là yếu tố động nhất, cách mạng nhất trong lực lượng sản xuất, là nguyên nhân sâu xa của mọi biến đổi kinh tế xã hội trong lịch sử; là thước đo trình độ tác động, cải biến tự nhiên của con người và tiêu chuẩn để phân biệt các thời đại kinh tế khác nhau.

Đặc trưng chủ yếu của lực lượng sản xuất là mối quan hệ giữa người lao động và công cụ lao động, trong đó, người lao động là nhân tố hàng đầu giữ vai trò quyết định. Ngày nay, khoa học công nghệ đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang phát triển mạnh mẽ, người lao động và công cụ lao động đang được trí tuệ hóa. Các quốc gia đang tiến tới phát triển kinh tế tri thức.

- Quan hệ sản xuất

+ *Khái niệm*: Quan hệ sản xuất là tổng hợp các quan hệ kinh tế- vật chất giữa người với người trong quá trình sản xuất vật chất.

+ *Kết cấu* của quan hệ sản xuất gồm: Quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý và quan hệ phân phối

Quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất: quan hệ giữa các tập đoàn người trong việc chiếm hữu, sử dụng các tư liệu sản xuất xã hội (đóng vai trò quan trọng nhất, quyết định các quan hệ còn lại).

Quan hệ về tổ chức và quản lý sản xuất là quan hệ giữa các tập đoàn người trong việc tổ chức sản xuất và phân công lao động.

Quan hệ về phân phối sản phẩm lao động là quan hệ giữa các tập đoàn người trong việc phân phối sản phẩm lao động xã hội.

b. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng

sản xuất

Vị trí quy luật: Đây là quy luật cơ bản nhất của sự vận động phát triển xã hội loài người.

**Vai trò quyết định của lực lượng sản xuất đối với quan hệ sản xuất*

- Trong một phương thức sản xuất, lực lượng sản xuất là nội dung vật chất quyết định quan hệ sản xuất; còn quan hệ sản xuất là hình thức xã hội của quá trình sản xuất.

- Lực lượng sản xuất quyết định tính chất, hình thức của quan hệ sản xuất.

- Lực lượng sản xuất quyết định sự tồn tại, vận động và phát triển của quan hệ sản xuất.

- Trong phương thức sản xuất, lực lượng sản xuất là yếu tố động và cách mạng (không ngừng phát triển), quan hệ sản xuất là yếu tố tương đối ổn định. Khi phát triển của lực lượng sản xuất đến một trình độ nhất định làm cho quan hệ sản xuất từ chỗ phù hợp trở thành lỗi thời, trở thành xiềng xích trói buộc sự phát triển của lực lượng sản xuất. Vì vậy, xuất hiện yêu cầu phải giải quyết mâu thuẫn bằng cách thay thế bằng một quan hệ sản xuất phù hợp, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, dẫn đến sự ra đời một phương thức sản xuất mới.

** Quan hệ sản xuất tác động trở lại sự phát triển của lực lượng sản xuất*

- Quan hệ sản xuất quy định mục đích của sản xuất.

- Sự tác động của quan hệ sản xuất đến lực lượng sản xuất theo 2 hướng: Nếu phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất thì sẽ là động lực cơ bản tạo điều kiện thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Ngược lại, nếu không phù hợp (lỗi thời hay tiên tiến một cách giả tạo) với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thì sẽ kìm hãm, cản trở sự phát triển của lực lượng sản xuất, nó tất yếu bị thay thế bằng quan hệ sản xuất mới.

+ Giải quyết mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất không phải giản đơn mà phải thông qua hoạt động có ý thức của con người. Trong xã hội có giai cấp phải thông qua đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội.

+ Quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là sự tác động qua lại từ phù hợp - không phù hợp - phù hợp... cứ như vậy sự phát triển của các phương thức sản xuất diễn ra liên tục không ngừng.

** Ý nghĩa phương pháp luận*

- Trong thực tiễn muốn phát triển kinh tế phải đi từ phát triển lực lượng sản xuất mà trước hết là người lao động và công cụ lao động, muốn xoá bỏ quan hệ sản xuất cũ xây dựng quan hệ sản xuất mới phải căn cứ vào trình độ của lực lượng sản xuất.

- Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là cơ sở lý luận để Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng đường lối phát triển kinh tế.

3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

a. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

** Cơ sở hạ tầng*

- *Khái niệm:* Cơ sở hạ tầng là toàn bộ những quan hệ sản xuất của một xã hội trong sự vận động hiện thực của chúng hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội đó.

- *Kết cấu:* bao gồm: Quan hệ sản xuất thống trị (giữ vai trò chủ đạo, chi phối các quan hệ sản xuất khác); Quan hệ sản xuất tàn dư; Quan hệ sản xuất mầm mống.

** Kiến trúc thượng tầng*

- *Khái niệm:* Kiến trúc thượng tầng là toàn bộ những quan điểm, tư tưởng xã hội với những thiết chế xã hội tương ứng cùng những quan hệ nội tại của thượng tầng hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định.

- *Kết cấu:* bao gồm hai bộ phận cơ bản:

+ Những quan điểm, tư tưởng xã hội: chính trị, pháp quyền, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật, triết học...

+ Thiết chế xã hội tương ứng (như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các đoàn thể và tổ chức xã hội khác). Trong đó, bộ phận có quyền lực mạnh nhất trong kiến trúc thượng tầng của xã hội có đối kháng giai cấp là nhà nước - công cụ quyền lực chính trị đặc biệt của giai cấp thống trị

Trong xã hội có đối kháng giai cấp, kiến trúc thượng tầng cũng mang tính chất đối kháng.

b. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

Vị trí quy luật: Đây là một trong hai quy luật cơ bản trong lĩnh vực xã hội vạch ra cơ sở của sự biến đổi kiến trúc thượng tầng trong xã hội.

** Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng*

Cơ sở hạ tầng quyết định nội dung, tính chất và sự vận động, biến đổi của kiến trúc thượng tầng.

- Mỗi cơ sở hạ tầng nhất định thì sẽ sinh ra một kiến trúc thượng tầng tương ứng: Tính chất của kiến trúc thượng tầng do tính chất của cơ sở hạ tầng quyết định; trong xã hội có giai cấp, giai cấp nào chiếm địa vị thống trị về kinh tế thì cũng chiếm địa vị thống trị về chính trị và đời sống tinh thần; các mâu thuẫn trong kinh tế, xét đến cùng, quyết định các mâu thuẫn trong lĩnh vực chính trị tư tưởng.

- Cơ sở hạ tầng thay đổi thì sớm hay muộn, kiến trúc thượng tầng cũng thay đổi theo. Sự thay đổi của cơ sở hạ tầng dẫn đến làm thay đổi kiến trúc thượng tầng diễn ra

rất phức tạp, có những yếu tố biến đổi nhanh, có yếu tố biến đổi chậm, có những yếu tố vẫn được kế thừa, có yếu tố tồn tại dai dẳng trong xã hội mới.

- Sự thay đổi của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng trong xã hội có đối kháng giai cấp chỉ có thể được thực hiện thông qua đấu tranh giai cấp mà đỉnh cao là cách mạng xã hội.

** Kiến trúc thượng tầng tác động trở lại cơ sở hạ tầng*

- Kiến trúc thượng tầng với chức năng xã hội của mình, luôn luôn bảo vệ, duy trì, củng cố, phát triển cơ sở hạ tầng đã sinh ra nó.

- Sự tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng diễn ra hai xu hướng: Nếu kiến trúc thượng tầng tiên tiến, phù hợp nó sẽ thúc đẩy sự phát triển và hoàn thiện của cơ sở hạ tầng; nếu là kiến trúc thượng tầng bảo thủ trì trệ, phản động thì nó sẽ cản trở sự phát triển của cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên sự kìm hãm đó chỉ là nhất thời, sớm muộn nó cũng sẽ phải thay đổi cùng với sự phát triển tất yếu của lực lượng sản xuất.

- Các bộ phận khác nhau của kiến trúc thượng tầng tác động đến cơ sở hạ tầng bằng nhiều hình thức khác nhau, trong các bộ phận đó, nhà nước giữ vai trò đặc biệt quan trọng tác động mạnh mẽ đối với cơ sở hạ tầng, vì nó là công cụ bạo lực tập trung trong tay sức mạnh kinh tế và chính trị của giai cấp thống trị.

** Ý nghĩa phương pháp luận*

+ Là cơ sở khoa học để nhận thức đúng sự biến đổi của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng trong đời sống xã hội, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong sự phát triển xã hội. Không tuyệt đối hóa hoặc xem nhẹ lĩnh vực nào.

+ Nghiên cứu đời sống xã hội, phải bắt đầu từ việc nghiên cứu cơ sở hạ tầng. Phát huy vai trò của kiến trúc thượng tầng để thúc đẩy cơ sở hạ tầng.

4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên

a. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội

** Khái niệm hình thái kinh tế - xã hội*

Hình thái kinh tế - xã hội là một phạm trù cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử dùng để chỉ xã hội trong từng nấc thang lịch sử nhất định với một kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng cho xã hội đó, phù hợp với trình độ nhất định của lực lượng sản xuất và một kiến trúc thượng tầng tương ứng được xây dựng trên những quan hệ sản xuất ấy.

** Kết cấu của hình thái kinh tế - xã hội*

- *Lực lượng sản xuất là nền tảng vật chất - kỹ thuật của một hình thái kinh tế - xã hội.* Yếu tố suy đến cùng quyết định sự vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội.

- Quan hệ sản xuất là quan hệ khách quan, cơ bản, chi phối và quyết định mọi quan hệ xã hội, đồng thời tiêu chuẩn khách quan, quan trọng để phân biệt các chế độ xã hội, nó tác động quan trọng đến sự phát triển của lực lượng sản xuất và quyết định kiến trúc thượng tầng xã hội.

- Kiến trúc thượng tầng là sự thể hiện các mối quan hệ giữa người với người trong lĩnh vực tinh thần, tiêu biểu cho bộ mặt tinh thần của đời sống xã hội, có tác động ảnh hưởng to lớn đến cơ sở kinh tế của xã hội, qua đó ảnh hưởng đến toàn bộ nền sản xuất vật chất của xã hội.

b. Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người

- Sự vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội từ tuân theo quy luật khách quan, như quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, quy luật kiến trúc thượng tầng phù hợp với cơ sở hạ tầng,...

- Sự vận động phát triển của xã hội bắt đầu từ sự phát triển của lực lượng sản xuất, dẫn đến thay đổi quan hệ sản xuất, làm cho kiến trúc thượng tầng thay đổi. Khi các yếu tố cơ bản của một hình thái kinh tế - xã hội thay đổi, các yếu tố khác cũng thay đổi theo => hình thái kinh tế - xã hội cũ mất đi, hình thái kinh tế - xã hội mới xuất hiện.

- Sự thống nhất giữa lôgic và lịch sử trong tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người bao hàm cả sự phát triển tuần tự và sự phát triển “bỏ qua”.

c. Giá trị khoa học của lý luận hình thái kinh tế - xã hội

- Muốn nhận thức và cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới phải nhận thức và tác động cả ba yếu tố cơ bản: lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất (cơ sở hạ tầng) và kiến trúc thượng tầng.

- Muốn nhận thức và giải quyết đúng đắn, có hiệu quả các vấn đề của đời sống xã hội thì phải đi sâu nghiên cứu các quy luật vận động phát triển của xã hội

- Là cơ sở lý luận, phương pháp luận khoa học và cách mạng trong đấu tranh bác bỏ những quan điểm thù địch, sai trái, phiến diện về xã hội.

- Là cơ sở khoa học cho việc xác định con đường phát triển của Việt Nam đó là quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, là cơ sở lý luận, phương pháp luận khoa học trong xây dựng quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

II. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC

1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp

a. Giai cấp

* Định nghĩa giai cấp

“Người ta gọi là giai cấp, những tập đoàn to lớn gồm những người khác nhau về địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định trong lịch sử, khác nhau về quan hệ của họ (thường thường thì những quan hệ này được luật pháp quy định và thừa nhận), đối với những tư liệu sản xuất, về vai trò của họ trong tổ chức lao động xã hội, và như vậy là khác nhau về cách thức hưởng thụ và về phần của cải xã hội ít hoặc nhiều mà họ được hưởng. Giai cấp là những tập đoàn người, mà tập đoàn này thì có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác, do chỗ các tập đoàn đó có địa vị khác nhau trong một chế độ kinh tế xã hội nhất định”.

=> Giai cấp là các tập đoàn người trong một hình thái kinh tế - xã hội nhất định, và là phạm trù mang tính lịch sử với ba đặc trưng: khác nhau về quan hệ của họ đối với tư liệu sản xuất xã hội, khác nhau về vai trò của họ trong tổ chức quản lý lao động xã hội, khác nhau về phương thức và qui mô thu nhập của cải xã hội.

** Nguồn gốc giai cấp*

+ *Nguồn gốc sâu xa*: Sự phát triển của lực lượng sản xuất dẫn đến phân công lao động xã hội.

+ *Nguồn gốc trực tiếp*: Sự xuất hiện chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất.

** Kết cấu giai cấp của xã hội*

- *Khái niệm kết cấu giai cấp của xã hội*: Là tổng thể các giai cấp và mối quan hệ giữa các giai cấp tồn tại trong một xã hội cụ thể ở một giai đoạn lịch sử nhất định.

- Cấu trúc giai cấp của xã hội thông thường gồm: Giai cấp cơ bản; Giai cấp không cơ bản; Tầng lớp trung gian.

b. Đấu tranh giai cấp

** Định nghĩa đấu tranh giai cấp*

Đấu tranh giai cấp là đấu tranh của một bộ phận nhân dân này chống lại một bộ phận nhân dân khác, cuộc đấu tranh của quần chúng bị tước hết quyền bị áp bức và lao động chống lại bọn có đặc quyền, đặc lợi, bọn áp bức và bọn ăn bám, cuộc đấu tranh của những người công nhân làm thuê hay những người vô sản chống những người hữu sản hay giai cấp tư sản.

** Tính tất yếu đấu tranh giai cấp trong xã hội có giai cấp*

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định đấu tranh giai cấp là tất yếu, là quy luật của xã hội có giai cấp và đối kháng giai cấp. Nguyên nhân của đấu tranh giai cấp là do những mâu thuẫn về mặt lợi ích giữa các giai cấp trong xã hội.

** Vai trò của đấu tranh giai cấp trong sự phát triển của xã hội có giai cấp*

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định: Trong xã hội có đối kháng giai cấp thì đấu tranh giai cấp là phương thức động lực cơ bản, trực tiếp của sự phát triển xã hội:

- Thông qua đấu tranh giai cấp mà các mâu thuẫn cơ bản trong xã hội được giải quyết.
- Chỉ thông qua đấu tranh giai cấp mới xóa bỏ được quan hệ sản xuất, kiến trúc thượng tầng cũ, xây dựng được quan hệ sản xuất, kiến trúc thượng tầng mới.
- Thông qua đấu tranh giai cấp làm cho đời sống chính trị - xã hội biến đổi, giai cấp và lực lượng cách mạng được trưởng thành.
- Đấu tranh giai cấp còn là động lực phát triển đời sống tinh thần xã hội: Phát triển các quan điểm về đạo đức, triết học, thẩm mỹ...

c. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản

* *Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản khi chưa có chính quyền* diễn ra dưới các hình thức cơ bản: đấu tranh kinh tế, đấu tranh chính trị, đấu tranh tư tưởng.

* *Đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đấu tranh giai cấp vẫn là tất yếu khách quan vì:

- Giành chính quyền mới chỉ là bước đầu, mục tiêu cuối cùng chưa đạt được.
- Đặc điểm thời kỳ quá độ: Còn đan xen nhiều yếu tố phức tạp, kẻ thù còn tiềm lực mạnh, âm mưu chống phá chủ nghĩa xã hội ngày càng thể hiện tinh vi và phức tạp, tư tưởng, tập quán tâm lý của giai cấp xã hội cũ còn tồn tại dai dẳng.
- Sự chống phá của lực lượng thù địch.
- Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đấu tranh giai cấp diễn ra trong điều kiện mới, với nội dung, hình thức, tính chất mới.

* *Đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay*

- *Tính tất yếu:*

+ Nước ta lên chủ nghĩa xã hội từ nền sản xuất nhỏ tiểu nông, hậu quả chiến tranh nặng nề... Do đó, không đấu tranh thì không khắc phục được lực cản đi lên chủ nghĩa xã hội.

+ Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, vừa hợp tác, vừa đấu tranh gay gắt đã và đang tác động mạnh mẽ đến việc thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

+ Sự chống phá của các thế lực thù địch nhằm phá bỏ thành quả cách mạng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- *Điều kiện, nội dung, hình thức, tính chất:*

+ *Điều kiện:*

Thuận lợi: Đất nước độc lập, thống nhất; Có hệ thống chính trị được xây dựng củng cố hoàn thiện, nhà nước của nhân dân có Đảng Cộng sản lãnh đạo; có khối đại

đoàn kết toàn dân ; Quan hệ quốc tế mở rộng; khoa học công nghệ phát triển, Việt Nam thuộc khu vực phát triển năng động ở châu Á Thái Bình dương.

Khó khăn: Việt Nam thực hiện bước quá độ gián tiếp, từ xuất phát điểm thấp, kinh tế lạc hậu, tàn tích phong kiến, thực dân và hậu quả chiến tranh nặng nề; Nền kinh tế nhiều thành phần và xu thế hội nhập tiềm ẩn nhiều nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Nội dung: *Cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị - tư tưởng; văn hóa - xã hội.*

+ Hình thức: đa dạng, phong phú kết hợp chính trị - quân sự - ngoại giao. Giáo dục thuyết phục, cưỡng bức hành chính liên doanh hợp tác.

+ Tính chất: gay go, phức tạp.

+ Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là khối đại đoàn kết toàn dân tộc, dựa trên liên minh công nhân - nông dân - trí thức do Đảng lãnh đạo; kết hợp hài hòa các lợi ích, phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực.

Đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay vẫn là đấu tranh ai thắng ai giữa 2 con đường tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa trong điều kiện mới, nội dung mới và hình thức mới.

d. Ý nghĩa phương pháp luận

- Là cơ sở khoa học để nhận thức đúng vấn đề đấu tranh giai cấp ở Việt Nam hiện nay.

- Cơ sở giáo dục cho thế hệ trẻ nâng cao nhận thức chính trị xác định vai trò trách nhiệm trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Phê phán các quan điểm sai trái mơ hồ mất cảnh giác về đấu tranh giai cấp ở Việt Nam hiện nay.

2. Dân tộc

a. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc

Hình thức cộng đồng người là cách thức tổ chức xã hội của con người trong những thời kỳ lịch sử xã hội khác nhau với các hình thức cộng đồng người từ thấp đến cao: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc và dân tộc.

b. Dân tộc - hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay

**** Khái niệm dân tộc***

Dân tộc là một cộng đồng người ổn định được hình thành trong lịch sử trên cơ sở một lãnh thổ thống nhất, một ngôn ngữ thống nhất, một nền kinh tế thống nhất, một nền văn hóa và tâm lý, tính cách thống nhất, với một nhà nước và pháp luật thống nhất.

**** Đặc trưng của dân tộc :***

- Dân tộc là một cộng đồng người ổn định trên một lãnh thổ thống nhất.
- Dân tộc là một cộng đồng thống nhất về ngôn ngữ.
- Dân tộc là một cộng đồng thống nhất về kinh tế.
- Dân tộc là một cộng đồng bền vững về văn hoá, tâm lý và tính cách.
- Dân tộc là một cộng đồng người có một nhà nước và pháp luật thống nhất.

*Quá trình hình thành các dân tộc ở châu Âu và đặc thù sự hình thành dân tộc ở châu Á

- Ở châu Âu: dân tộc hình thành gắn liền với sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản.

- Ở châu Á: dân tộc hình thành có tính đặc thù riêng, từ rất sớm, không gắn với sự ra đời của chủ nghĩa tư bản.

- Tính đặc thù của sự hình thành dân tộc Việt Nam: được hình thành rất sớm trong lịch sử gắn liền với nhu cầu dựng nước và giữ nước, với quá trình đấu tranh chống ngoại xâm và cải tạo thiên nhiên, bảo vệ nền văn hóa dân tộc.

3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại

a. Quan hệ giai cấp - dân tộc

Vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

- Quan hệ giai cấp là nhân tố xét đến cùng có vai trò quyết định đối với sự hình thành dân tộc, đối với xu hướng phát triển của dân tộc, quy định tính chất mối quan hệ giữa các dân tộc.

- Áp bức giai cấp là căn nguyên sâu xa của áp bức dân tộc. Do đó, xóa bỏ áp bức giai cấp là cơ sở để xóa bỏ áp bức dân tộc.

- Vấn đề dân tộc luôn mang tính giai cấp, phong trào dân tộc tác động mạnh mẽ đến vấn đề phong trào đấu tranh giải phóng giai cấp. Mỗi giai cấp quan niệm về vấn đề dân tộc và tham gia phong trào dân tộc đều xuất phát từ lợi ích của giai cấp mình.

- Vấn đề dân tộc là vấn đề hàng đầu của cuộc đấu tranh giai cấp, nhất là của cách mạng vô sản.

- Dân tộc là cơ sở nuôi dưỡng giai cấp, hậu thuẫn đấu tranh giai cấp, tạo sức mạnh cho đấu tranh giai cấp.

- Đấu tranh giải phóng dân tộc tác động mạnh tới đấu tranh giải phóng giai cấp.

Giai cấp công nhân mỗi nước và chính đảng của nó phải trở thành người đại biểu chân chính của dân tộc, phải kết hợp chặt chẽ lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc, đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc. Tránh tuyệt đối hóa giai cấp hoặc tuyệt đối hóa dân tộc.

b. Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại

- Giai cấp, dân tộc và nhân loại có mối quan hệ biện chứng với nhau.

- Trong xã hội có giai cấp, lợi ích nhân loại không tách rời với lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc và bị chi phối bởi lợi ích giai cấp và dân tộc.

- Sự tồn tại của nhân loại là tiền đề, là điều kiện tất yếu thường xuyên của sự tồn tại dân tộc và giai cấp.

- Sự phát triển về mọi mặt của nhân loại tạo ra những điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và giai cấp.

III. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI

1. Nhà nước

Khái niệm nhà nước: Nhà nước là tổ chức chính trị của giai cấp thống trị về kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác.

a. Nguồn gốc của nhà nước

* *Nguồn gốc sâu xa:* Trong xã hội xuất hiện giai cấp có tư liệu sản xuất và các giai cấp không có tư liệu sản xuất. Do tính chất ngày càng gay go của cuộc đấu tranh giai cấp mà giai cấp có tư liệu sản xuất tổ chức ra nhà nước để bảo vệ quyền sở hữu tư liệu sản xuất của mình trước các giai cấp khác trong xã hội...

* *Nguồn gốc trực tiếp:* Trong xã hội xuất hiện những tập đoàn người đối lập nhau về lợi ích mà trước hết là lợi ích kinh tế nên không thể điều hoà được. Từ đó nhà nước ra đời để bảo vệ lợi ích của giai cấp chủ sở hữu tư liệu sản xuất trước các giai cấp khác trong xã hội...

Như vậy, nhà nước ra đời không phải là cơ quan để điều hoà mâu thuẫn giai cấp. Mà nó ra đời là do **mâu thuẫn giai cấp không thể điều hoà được.**

b. Bản chất của nhà nước

Nhà nước mang bản chất của giai cấp thống trị.

c. Đặc trưng cơ bản của nhà nước

- *Quản lý dân cư trên một vùng lãnh thổ nhất định* (Không phân biệt hôn nhân, huyết thống... có quyền giải tòa, thu hồi đất).

- *Nhà nước có một hệ thống các cơ quan quyền lực chuyên nghiệp mang tính cưỡng chế đối với mọi thành viên trong xã hội* (Quân đội, cảnh sát, nhà tù... và bộ máy quản lý hành chính từ trung ương đến địa phương).

- *Nhà nước hình thành hệ thống thuế khoá để nuôi bộ máy nhà nước.*

d. Chức năng cơ bản của nhà nước

Bản chất của nhà nước còn thể hiện ở chức năng của nó.

* *Dưới góc độ bản chất của quyền lực, nhà nước có chức năng thống trị chính trị của giai cấp (chức năng giai cấp) và chức năng xã hội.*

* *Dưới góc độ phạm vi của quyền lực, nhà nước có chức năng đối nội và đối ngoại.*

đ. Các kiểu và hình thức nhà nước

** Các kiểu nhà nước trong lịch sử*

- *Khái niệm: kiểu nhà nước là khái niệm dùng để chỉ bộ máy thống trị đó thuộc về giai cấp nào, tồn tại trên cơ sở kinh tế và tương ứng với hình thái kinh tế xã hội nào.*

- Các kiểu nhà nước trong lịch sử:

+ Nhà nước chiếm hữu nô lệ: Là nhà nước của giai cấp chủ nô.

+ Nhà nước phong kiến: Là nhà nước của giai cấp địa chủ phong kiến.

+ Nhà nước tư sản: Là nhà nước của giai cấp tư sản.

+ Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

** Hình thức nhà nước*

- *Khái niệm hình thức nhà nước: là khái niệm dùng để chỉ cách thức tổ chức và phương thức thực hiện quyền lực của nhà nước.*

- Các hình thức nhà nước trong lịch sử:

+ Nhà nước chiếm hữu nô lệ có các hình thức: chính thể quân chủ, chính thể cộng hòa, chính thể quý tộc, chính thể dân chủ. Tuy khác nhau về hình thức nhưng vẫn là nhà nước chủ nô bóc lột nô lệ.

+ Nhà nước phong kiến được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau: nhà nước quân chủ phân quyền (chủ yếu ở phương Tây), nhà nước quân chủ tập quyền (chủ yếu ở phương Đông).

+ Nhà nước tư sản được tổ chức với nhiều hình thức khác nhau, nhưng chủ yếu là 2 hình thức: cộng hòa và quân chủ lập hiến.

+ Nhà nước xã hội chủ nghĩa gắn liền với hình thái kinh tế - xã hội, xã hội chủ nghĩa. Đây là kiểu nhà nước hình thành sau thắng lợi của cách mạng vô sản. Chức năng, nhiệm vụ của nhà nước xã hội chủ nghĩa ở từng giai đoạn có sự khác nhau, nhưng xét về bản chất giai cấp, nó luôn luôn là công cụ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

- *Nhà nước xã hội chủ nghĩa: Có các đặc trưng sau:*

+ Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước kiểu mới: Nhà nước của dân, do dân, vì dân thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

+ Nhà nước xã hội chủ nghĩa có 2 chức năng: Trấn áp kẻ thù và tổ chức xây dựng xã hội mới; trong đó chức năng xây dựng là cơ bản, chủ yếu nhất.

+ Nhà nước xã hội chủ nghĩa có sự thống nhất giữa tính giai cấp, tính dân tộc và tính quốc tế.

+ Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước tự tiêu vong.

- *Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Đại hội XIII, Đảng ta khẳng định: " bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; đổi mới phương thức vận hành của Nhà nước theo hướng hoàn thiện thể chế, phát huy dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; hoàn thiện mô hình tổ chức của Nhà nước, phân công, phối hợp giữa các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, coi trọng kiểm soát quyền lực nhà nước; giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội, quan hệ giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân".

2. Cách mạng xã hội

a. Khái niệm

- *Theo nghĩa rộng*: Cách mạng xã hội là sự biến đổi có tính chất bước ngoặt và căn bản về chất trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội, là phương thức thay thế hình thái kinh tế - xã hội lỗi thời bằng hình thái kinh tế - xã hội cao hơn.

- *Theo nghĩa hẹp*: Cách mạng xã hội là việc lật đổ một chế độ chính trị đã lỗi thời, thiết lập một chế độ chính trị tiến bộ hơn.

b. Nguồn gốc của cách mạng xã hội

- *Nguyên nhân sâu xa*: Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

- *Nguyên nhân trực tiếp*: Mâu thuẫn đối kháng giữa các giai cấp có lợi ích cơ bản đối lập nhau.

c. Bản chất của cách mạng xã hội

* *Tính chất của cách mạng xã hội*: Là những dấu hiệu, đặc trưng để phân biệt các cuộc cách mạng khác nhau trong lịch sử (Nhiệm vụ của nó là xoá bỏ mâu thuẫn của giai cấp nào, xoá bỏ xã hội nào, xác lập xã hội nào?).

* *Lực lượng của cách mạng xã hội*: Là những giai cấp, lực lượng xã hội có lợi ích ít nhiều gắn bó với cách mạng. Lực lượng cách mạng do tính chất và điều kiện lịch sử của cuộc cách mạng chi phối.

* *Động lực của cách mạng xã hội*: Là những giai cấp, lực lượng xã hội có lợi ích căn bản gắn bó lâu dài với cuộc cách mạng ấy, tạo ra sức mạnh để thúc đẩy cách mạng đến thắng lợi.

* *Vai trò lãnh đạo cách mạng xã hội*: Là giai cấp đứng ở vị trí trung tâm của thời đại, đại biểu cho phương thức sản xuất mới.

* *Các kiểu cách mạng xã hội trong lịch sử*: Cách mạng xã hội phá vỡ cộng đồng nguyên thủy xác lập xã hội chiếm hữu nô lệ; Cách mạng xã hội phá vỡ xã hội chiếm hữu nô lệ; Cách mạng tư sản; Cách mạng vô sản

* *Đối tượng của cách mạng xã hội* là những giai cấp và những lực lượng đối lập cần phải đánh đổ của cách mạng.

* *Giai cấp lãnh đạo cách mạng xã hội* là giai cấp có hệ tư tưởng tiên bộ, đại diện cho xu hướng phát triển của xã hội, cho phương thức sản xuất tiên bộ.

Cách mạng xã hội chỉ nổ ra và thắng lợi khi có điều kiện chín muồi của điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan.

* *Thời cơ cách mạng*: là thời điểm thuận lợi nhất trong tình thế cách mạng, là sự hội tụ chín muồi của điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan bảo đảm cho cách mạng nổ ra và giành thắng lợi.

* *Phương pháp cách mạng*

- *Phương pháp cách mạng bạo lực cách mạng* là sức mạnh của quần chúng bị áp bức bóc lột, được hướng dẫn và tổ chức bởi một đường lối chính trị tiên tiến, nhằm chống lại bạo lực phản cách mạng của giai cấp thống trị để giành, giữ và sử dụng chính quyền nhà nước.

- *Phương pháp hoà bình* là hình thức đấu tranh nhằm giành, giữ chính quyền nhà nước mà không diễn ra đấu tranh vũ trang, đổ máu.

d. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay

Nguyên nhân khách quan dẫn đến cách mạng xã hội là những mâu thuẫn cơ bản trong xã hội vẫn còn tồn tại.

IV. Ý THỨC XÃ HỘI

1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội

a. Khái niệm tồn tại xã hội

Là toàn bộ sinh hoạt vật chất và những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội ở những giai đoạn lịch sử nhất định.

b. Các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội

* *Phương thức sản xuất*: Là nhân tố giữ vai trò quyết định nhất trong tồn tại xã hội và quyết định các yếu tố khác.

* *Dân số và mật độ dân số*: Là những yếu tố của dân số như số lượng, chất lượng, mật độ, tốc độ phát triển,... Nó có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển mọi mặt của một đất nước.

* *Điều kiện tự nhiên và hoàn cảnh địa lý*: Bao gồm điều kiện địa lý, của cải, những nguồn năng lượng. Nó là điều kiện tồn tại và phát triển của xã hội (thuận lợi hoặc khó khăn).

2. Khái niệm, kết cấu, tính giai cấp, các hình thái của ý thức xã hội

a. Khái niệm ý thức xã hội

Là mặt tinh thần của đời sống xã hội bao gồm những quan điểm, tư tưởng cùng những tình cảm, tâm trạng, truyền thống của một cộng đồng xã hội, nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn phát triển nhất định.

b. Kết cấu của ý thức xã hội

* Theo trình độ phản ánh: Có ý thức xã hội thông thường và ý thức lý luận; tâm lý xã hội và hệ tư tưởng xã hội.

* Theo nội dung và lĩnh vực phản ánh đời sống xã hội, ý thức xã hội bao gồm các hình thái ý thức khác nhau như: chính trị, pháp luật, triết học, đạo đức...

* Theo góc độ phản ánh, ý thức xã hội còn bao gồm: Tâm lý xã hội và hệ tư tưởng xã hội.

c. Tính giai cấp của ý thức xã hội

Trong những xã hội có giai cấp thì các giai cấp khác nhau có điều kiện vật chất khác nhau, có lợi ích và địa vị xã hội khác nhau thì ý thức xã hội của các giai cấp đó cũng khác nhau.

d. Các hình thái ý thức xã hội: có 7 hình thái ý thức xã hội tiêu biểu: Ý thức chính trị; Ý thức pháp quyền; Ý thức đạo đức; Ý thức nghệ thuật; Ý thức tôn giáo; Ý thức khoa học; Ý thức triết học.

3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

a. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội:

- Tồn tại xã hội là cơ sở, là nguồn gốc của ý thức xã hội. Vì vậy, tồn tại xã hội như thế nào sẽ sinh ra ý thức xã hội tương ứng

- Tồn tại xã hội quyết định nội dung ý thức xã hội. Nội dung tồn tại xã hội như thế nào thì nội dung phản ánh của ý thức xã hội cũng cơ bản như thế ấy.

- Tồn tại xã hội quyết định tính chất đối kháng hay không đối kháng của ý thức xã hội.

- Khi tồn tại xã hội biến đổi, thì ý thức xã hội sớm muộn cũng biến đổi theo.

b. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

* Ý thức xã hội thường lạc hậu hơn tồn tại xã hội.

- Lịch sử xã hội loài người cho thấy, nhiều khi xã hội cũ đã mất đi, song ý thức xã hội do xã hội đó sản sinh ra vẫn tiếp tục tồn tại. Có mấy nguyên nhân sau đây:

Một là, do tác động mạnh mẽ và nhiều mặt trong hoạt động thực tiễn của con người nên tồn tại xã hội diễn ra với tốc độ nhanh hơn khả năng phản ánh của ý thức xã hội.

Hai là, do sức mạnh của thói quen, tập quán, truyền thống và do cả tính bảo thủ của hình thái ý thức xã hội. Hơn nữa, những điều kiện tồn tại xã hội mới cũng chưa đủ để làm cho những thói quen, tập quán và truyền thống cũ hoàn toàn mất đi.

Ba là, ý thức xã hội mang tính giai cấp, tính dân tộc, ít nhiều đều ảnh hưởng đến lợi ích của các nhóm xã hội nên thường được cố gắng bảo tồn, duy trì.

Vì vậy, muốn xây dựng xã hội mới thì nhất định phải từng bước xóa bỏ được những tàn dư, những tư tưởng và ý thức xã hội cũ song song với việc bồi đắp, xây dựng và phát triển ý thức xã hội mới.

** Ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội*

Triết học Mác - Lênin thừa nhận rằng, ý thức xã hội thường lạc hậu hơn tồn tại xã hội nhưng cũng có thể vượt trước tồn tại xã hội. Trong những điều kiện nhất định, tư tưởng của con người có thể vượt trước tồn tại xã hội hiện thời dự báo tương lai.

** Ý thức xã hội có tính kế thừa trong sự phát triển của mình*

Tiến trình phát triển đời sống tinh thần của xã hội loài người cho thấy rằng, các quan điểm lý luận, các tư tưởng lớn của thời đại sau bao giờ cũng dựa vào những tiền đề đã có từ các giai đoạn lịch sử trước đó. Ví dụ: Triết học Mác ra đời trên cơ sở kế thừa những thành tựu triết học trước đó và khoa học đương thời.

** Sự tác động qua lại giữa các hình thái ý thức xã hội*

Ý thức xã hội tồn tại trong một chỉnh thể thống nhất phản ánh sự tồn tại xã hội nhưng nó biểu hiện thông qua nhiều hình thái ý thức xã hội khác nhau. Nên giữa các hình thái đó có sự tác động qua lại lẫn nhau trong sự phát triển của chúng.

** Ý thức xã hội tác động trở lại tồn tại xã hội*

Tồn tại xã hội chịu sự tác động trở lại của ý thức xã hội là một biểu hiện khác của tính độc lập tương đối của ý thức xã hội. Sự tác động trở lại diễn ra theo hai chiều hướng là thúc đẩy hoặc kìm hãm: Nếu ý thức xã hội tiến bộ, khoa học sẽ tác động thúc đẩy xã hội phát triển còn ý thức xã hội lạc hậu, phản động sẽ kìm hãm sự phát triển của xã hội.

**** Ý nghĩa phương pháp luận***

- Cần nhận thức cả hai mặt, tồn tại xã hội và ý thức xã hội.
- Cần nhận thức được tính quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và vai trò tác động to lớn trở lại của ý thức xã hội với tồn tại xã hội. Chống các biểu hiện coi thường, tuyệt đối hoá hoặc tách rời giữa hai mặt tồn tại xã hội và ý thức xã hội.
- Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, phải đổi mới toàn diện các mặt, các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó đổi mới kinh tế là trọng tâm, kết hợp với từng bước đổi mới chính trị, văn hoá ; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.
- Kiên trì đấu tranh cải tạo tàn dư tư tưởng cũ lạc hậu, kế thừa, phát triển các giá trị truyền thống của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành nhân tố giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội.

V. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI

1. Con người và bản chất con người

a. Con người là thực thể sinh học - xã hội

* *Khái niệm: Con người là một thực thể thống nhất giữa mặt sinh vật và mặt xã hội.*

* *Con người là thực thể sinh học - xã hội*

- Về phương diện sinh vật, con người là một thực thể sinh vật, là sản phẩm phát triển lâu dài của giới tự nhiên, với cấu trúc cơ thể tinh vi và phức tạp, bị chi phối trước hết bởi các quy luật sinh học.

- Về phương diện xã hội, con người là một thực thể xã hội có các hoạt động xã hội với các mối quan hệ đan xen, dựa trên nền tảng cơ bản là lao động sản xuất. Điểm cơ bản làm nên tính xã hội ở con người là hoạt động sản xuất mang tính xã hội, cùng với nó là sự hình thành nên một đời sống xã hội đa dạng của con người. Hoạt động của con người cũng bị quy định bởi các quy luật xã hội.

- Hai mặt sinh vật và xã hội hòa quyện, thống nhất với nhau trong một con người cụ thể.

b. Con người khác biệt với con vật ngay từ khi con người bắt đầu sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình

Triết học Mác - Lênin phân biệt sự khác nhau giữa con người và con vật là dựa trên nền tảng của sản xuất vật chất. Lao động, tức là sản xuất ra tư liệu sinh hoạt của mình, tạo ra con người và xã hội, thúc đẩy con người và xã hội phát triển. Đây là điểm khác biệt rất căn bản, chi phối các đặc điểm khác biệt giữa con người với con vật.

c. Con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người

Con người vừa là sản phẩm của sự phát triển lâu dài của giới tự nhiên, vừa là sản phẩm của lịch sử xã hội loài người và của chính bản thân con người. Tiền đề của lý luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử là những con người là hiện thực đang hoạt động, lao động sản xuất và làm ra lịch sử của chính mình, làm cho họ trở thành những con người như đang tồn tại.

d. Con người vừa là sản phẩm, vừa là chủ thể của lịch sử

- Con người là chủ thể của lịch sử. Bằng hoạt động lao động sản xuất, con người làm ra lịch sử của chính mình, tạo nên xã hội và các mối quan hệ xã hội, thúc đẩy xã hội phát triển.

- Con người là sản phẩm của lịch sử. Con người không chỉ là sản phẩm lịch sử của quá trình tiến hoá lâu dài của giới hữu sinh mà còn là sản phẩm của các quan hệ xã hội hiện thực trong đó con người sống, tồn tại, phát triển.

đ. Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội

C.Mác chỉ rõ: "Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những mối quan hệ xã hội".

- Không có con người chung chung trừu tượng, mà chỉ có con người hiện thực, gắn với nền sản xuất vật chất, gắn với các quan hệ xã hội cụ thể. Chỉ trong không gian và thời gian tồn tại cụ thể đó, con người mới bộc lộ bản chất của mình.

- Bản chất con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội. Tất cả các mối quan hệ xã hội đều góp phần hình thành bản chất con người và bản chất con người cũng chỉ bộc lộ thông qua các quan hệ xã hội.

- Bản chất con người không phải là cái cố định, bất biến mà có sự biến đổi qua các thời đại lịch sử.

**Ý nghĩa phương pháp luận*

- Khi xem xét bản chất con người phải gắn với hoạt động thực tiễn của con người trong mọi quan hệ ở một xã hội nhất định, điều kiện lịch sử cụ thể.

- Vận dụng quán triệt quan điểm của Đảng ta trong công tác xây dựng môi trường văn hoá, con người mới.

2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người

a. Thực chất của hiện tượng tha hóa con người là lao động của con người bị tha hóa

- Tha hóa về lao động dẫn đến tha hóa con người và nảy sinh quan hệ bóc lột, đánh mất nhân tính. Nguyên nhân là do chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất.

- Lao động bị tha hóa nên con người lao động mất tính sáng tạo và phát triển các phẩm chất người, trở thành nô lệ của sản phẩm mình tạo ra

- Khắc phục sự tha hóa sẽ xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa và khắc phục sự tha hóa trên các phương diện khác của đời sống xã hội

b. "Vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức"

- Xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân về TLSX là cơ sở để giải phóng con người triệt để trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội

- Giải phóng con người cụ thể là cơ sở để giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và tiến tới giải phóng toàn thể nhân loại

c. "Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người"

- Con người mong muốn được bình đẳng, phát triển toàn diện đó là mục đích tự thân.

- Điều kiện để con người được tự do: Khi chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất bị thủ tiêu triệt để, lao động của con người không còn bị tha hóa.

- Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của mọi người: vì con người là thể thống nhất giữa cá nhân và xã hội, cá nhân với giai cấp, dân tộc, nhân loại, bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội. Mặt khác, sự phát triển của xã hội cũng là tiền đề để cá nhân phát triển.

** Ý nghĩa phương pháp luận*

- Muốn hiểu khoa học về con người thì không chỉ đơn thuần từ phương diện bản tính tự nhiên mà còn phải xét từ phương diện bản tính xã hội và các quan hệ kinh tế - xã hội.

- Cần coi con người là mục đích là động lực phát triển của xã hội.

- Muốn giải phóng con người thì phải giải phóng các quan hệ kinh tế - xã hội, tức là giải quyết triệt để chế độ tư hữu áp bức bóc lột.

3. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội; về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử

a. Quan hệ giữa cá nhân và xã hội

Cá nhân và xã hội là hai phạm trù khác nhau, không đồng nhất với nhau nhưng có quan hệ mật thiết với nhau, tác động qua lại làm tiền đề cho nhau cùng phát triển. Trong đó xã hội quyết định cá nhân, cá nhân tác động trở lại xã hội.

** Xã hội quyết định cá nhân*

- Mỗi xã hội sẽ sản sinh ra những cá nhân mang đặc trưng của nó, ví như cái nôi để cá nhân hình thành và phát triển.

- Xã hội quyết định cá nhân về bản chất, nội dung cuộc sống, mục đích hoạt động, nhu cầu, quyền lợi, địa vị xã hội, lối tư duy, tâm lý. Xã hội càng phát triển thì cá nhân càng có điều kiện để tiếp nhận những giá trị vật chất và tinh thần ngày càng tốt hơn.

** Cá nhân tác động trở lại xã hội*

- Cá nhân có vai trò tác động to lớn trở lại xã hội thông qua hoạt động của từng cá nhân. Sự phát triển của xã hội phải bắt đầu từ sự phát triển của cá nhân. Tuy nhiên, sự vận động phát triển của xã hội không theo phương hướng của bất kỳ cá nhân nào mà tuân theo quy luật khách quan.

- Cá nhân tác động trở lại theo hai chiều hướng là thúc đẩy hoặc kìm hãm

+ Cá nhân thúc đẩy xã hội phát triển khi cá nhân hoạt động tích cực phù hợp với quy luật khách quan.

+ Cá nhân kìm hãm sự phát triển xã hội khi cá nhân có phẩm chất, năng lực kém, nhận thức và hành động tùy tiện, bất chấp qui luật khách quan.

b. Vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử

- *Khái niệm*: Quần chúng nhân dân là bộ phận có cùng chung lợi ích căn bản, bao gồm những thành phần, những tầng lớp và những giai cấp, liên kết lại thành tập thể dưới sự lãnh đạo của một tổ chức, một đảng phái hay một cá nhân nhằm thực hiện những mục tiêu kinh tế, chính trị, văn hóa hay xã hội của một thời kỳ lịch sử nhất định

- *Vai trò của quần chúng nhân dân*

+ Là lực lượng sản xuất cơ bản của xã hội.

+ Là động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội.

+ Là lực lượng sáng tạo ra những giá trị văn hoá tinh thần.

- *Vai trò của lãnh tụ*

+ Thúc đẩy hoặc kìm hãm sự tiến bộ xã hội

+ Người sáng lập ra các tổ chức chính trị xã hội, là linh hồn của các tổ chức đó.

+ Lãnh tụ mỗi thời đại chỉ hoàn thành những nhiệm vụ đặt ra của thời đại đó.

4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam

- *Quan điểm của chủ tịch Hồ Chí Minh về con người* gồm các nội dung cơ bản là: tư tưởng về giải phóng nhân dân lao động, giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, tư tưởng về con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng, tư tưởng về phát triển con người toàn diện.

- *Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về con người*:

+ Con người vừa là mục tiêu, là nguồn gốc, là động lực của sự phát triển xã hội.

+ Sự nghiệp đổi mới đòi hỏi phải đặt con người vào vị trí trung tâm.

+ Sự thành công của công cuộc đổi mới và sự phát triển đất nước phụ thuộc vào việc phát huy vai trò con người.